



Ngày 28 tháng 02 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương

Mã chứng khoán: BDG

Trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274.3755143 **Fax:** 0274.3755415

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Thị Kim Ngân – Thư ký công ty

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán.
- Giải trình lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại đường dẫn <http://www.protradegarment.com> (mục Quan hệ cộng đồng – Thông tin tài chính).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán
- Công văn giải trình.

Đoàn Thị Kim Ngân

V/v: Giải trình nguyên nhân lợi nhuận sau thuế
Báo cáo tài chính năm 2021 (báo cáo riêng đã
kiểm toán) giảm 35% so với cùng kỳ năm trước

Thuận An, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đăng ký giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại: 0274.3755143 Fax: 0274.3755415
- Email: ngandtk@protradegarment.com
- Mã chứng khoán: **BDG**

Căn cứ Thông tư 196/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 (báo cáo riêng đã kiểm toán) của Công ty.

Công ty giải trình về mức giảm 35% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước như sau:

Stt	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Giảm	
				Số tiền	%
1	Lợi nhuận sau thuế	96.745.337.061	62.879.780.956	33.865.556.105	35%

Nguyên nhân:

Do ảnh hưởng của dịch Covid trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến tháng 10, Công ty phải tạm ngừng sản xuất làm cho doanh thu xuất hàng giảm và chi phí tăng do các khoản chi phí cho người lao động và các chi phí chống dịch. Thêm vào đó, do ảnh hưởng của khủng hoảng trong vận tải đường biển quốc tế làm giảm doanh thu do tốc độ xuất hàng bị chậm lại vì thiếu tàu cũng như lịch tàu bị trì hoãn liên tục, cước phí vận chuyển tăng làm tăng chi phí xuất nhập hàng. Đây là hai nguyên nhân chính gây nên sự sụt giảm lợi nhuận của công ty so với cùng kỳ năm trước.

Công ty cổ phần May Mặc Bình Dương giải trình nguyên nhân giảm lợi nhuận như trên.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thành Đức

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 35
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25 tháng 03 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch	
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch	
Ông Phan Thành Đức	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 24/06/2021)
Bà Nguyễn Hồng Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên	
Ông Lý Thanh Châu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/06/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 25 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



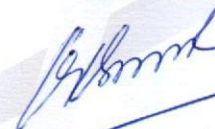
Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Lê Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

Kiểm toán viên



Đào Trung Thành

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		697.305.001.081	547.219.171.904
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	33.490.148.769	71.432.988.445
111	1. Tiền		33.490.148.769	54.762.988.445
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	16.670.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	114.382.500.000	106.382.500.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		114.382.500.000	106.382.500.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		211.424.515.520	131.965.851.487
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	203.448.305.337	125.505.815.621
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.078.361.878	1.398.448.295
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	4.897.848.305	5.061.587.571
140	IV. Hàng tồn kho	08	310.169.450.127	223.735.550.951
141	1. Hàng tồn kho		310.169.450.127	223.735.550.951
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		27.838.386.665	13.702.281.021
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	693.393.870	1.351.003.110
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		22.437.362.108	12.351.158.525
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	4.707.630.687	119.386
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		79.077.467.735	109.787.527.870
220	II. Tài sản cố định		47.787.283.110	56.568.652.600
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	46.235.262.361	55.393.846.659
222	- Nguyên giá		266.662.829.353	256.482.383.634
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220.427.566.992)	(201.088.536.975)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.552.020.749	1.174.805.941
228	- Nguyên giá		8.666.461.711	8.005.561.711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.114.440.962)	(6.830.755.770)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	30.687.938.868	51.731.438.589
251	1. Đầu tư vào công ty con		15.332.012.510	15.332.012.510
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		68.000.000.000	68.000.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(55.644.073.642)	(42.600.573.921)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	11.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		602.245.757	1.487.436.681
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	602.245.757	1.487.436.681
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		776.382.468.816	657.006.699.774

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		442.823.146.966	367.182.000.921
310	I. Nợ ngắn hạn		442.823.146.966	367.182.000.921
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	160.122.360.949	115.214.751.015
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.594.853.228	2.063.662.964
314	3. Phải trả người lao động		69.004.542.173	96.261.895.863
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	41.583.437	24.521.670
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.120.541.236	39.787.501.424
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	202.187.607.696	100.908.137.565
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.751.658.247	12.921.530.420
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		333.559.321.850	289.824.698.853
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	333.559.321.850	289.824.698.853
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120.000.000.000	120.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		120.000.000.000	120.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130.334.259	130.334.259
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		89.160.538.502	80.229.091.054
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		124.268.449.089	89.465.273.540
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		61.388.668.133	40.719.936.479
421b	LNST chưa phân phối năm nay		62.879.780.956	48.745.337.061
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		776.382.468.816	657.006.699.774

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.149.453.410.475	1.198.747.215.805
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	2.203.681.334	2.491.329.817
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.147.249.729.141	1.196.255.885.988
11	4. Giá vốn hàng bán	21	984.392.430.307	996.628.100.350
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		162.857.298.834	199.627.785.638
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	12.947.316.449	17.301.730.677
22	7. Chi phí tài chính	23	19.002.444.303	33.114.374.425
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.617.210.077	1.093.088.377
25	8. Chi phí bán hàng	24	24.999.160.834	21.196.639.296
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	56.628.905.615	56.079.874.517
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		75.174.104.531	106.538.628.077
31	11. Thu nhập khác	26	5.083.157.404	13.989.113.973
32	12. Chi phí khác	27	133.710.388	472.343.937
40	13. Lợi nhuận khác		4.949.447.016	13.516.770.036
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		80.123.551.547	120.055.398.113
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	17.243.770.591	23.310.061.052
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>62.879.780.956</u>	<u>96.745.337.061</u>

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		80.123.551.547	120.055.398.113
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.789.598.323	23.899.844.168
03	- Các khoản dự phòng		13.043.499.721	19.746.148.286
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		81.807.936	(1.468.306.665)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.930.769.702)	(7.051.358.094)
06	- Chi phí lãi vay		2.617.210.077	1.093.088.377
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		109.724.897.902	156.274.814.185
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(93.999.140.751)	57.274.248.477
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(86.433.899.176)	(48.540.861.265)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		17.246.164.229	(18.481.889.698)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.542.800.164	880.626.960
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.600.148.310)	(1.147.344.199)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.786.218.740)	(27.973.446.883)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.315.030.132)	(4.442.085.651)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(83.620.574.814)	113.844.061.926
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.173.619.177)	(16.839.176.014)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		135.070.525	561.978.181
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(34.547.500.000)	(66.180.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		34.547.500.000	22.146.717.825
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(38.000.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.687.113.603	5.989.034.008
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.351.435.049)	(92.321.446.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.050.578.297.921	910.463.863.557
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(950.648.152.875)	(877.380.822.683)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(50.391.676.000)	(39.608.324.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>49.538.469.046</i>	<i>(6.525.283.126)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(39.433.540.817)	14.997.332.800
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		71.432.988.445	54.573.304.008
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.490.701.141	1.862.351.637
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>33.490.148.769</u>	<u>71.432.988.445</u>

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Người lập

Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Kim Ngân

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần 3 ngày 25 tháng 03 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 120.000.000.000 đồng; tương đương 120.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.782 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 1.914 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ cồn đăng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở).

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị được nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng hữu ích.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí thuê nhà xưởng, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	394.427.419	316.586.494
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.095.721.350	54.446.401.951
Các khoản tương đương tiền	-	16.670.000.000
	33.490.148.769	71.432.988.445

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	114.382.500.000	-	106.382.500.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	114.382.500.000	-	106.382.500.000	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	-	11.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	3.000.000.000	-	11.000.000.000	-
	117.382.500.000	-	117.382.500.000	-

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm. Trong đó, tổng tiền gửi có kỳ hạn đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại Cổ phần với giá trị là 23.335.000.000 đồng. (Xem chi tiết tại Thuyết minh 12)

⁽²⁾ Tại ngày 31/12/2021, các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,4%/năm và đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại Cổ phần với giá trị là 3.000.000.000 đồng. (Xem chi tiết tại Thuyết minh 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	15.332.012.510	-	15.332.012.510	-
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	15.332.012.510	-	15.332.012.510	-
Đầu tư vào công ty liên kết	68.000.000.000	(55.644.073.642)	68.000.000.000	(42.600.573.921)
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	68.000.000.000	(55.644.073.642)	68.000.000.000	(42.600.573.921)
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân (*)	-	-	-	-
	83.332.012.510	(55.644.073.642)	83.332.012.510	(42.600.573.921)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Protrade Laundry	Tỉnh Bình Dương	99,80%	99,80%	May mặc

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Tỉnh Bình Dương	48,57%	48,57%	Wash

Đầu tư vào đơn vị khác

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 đồng do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân tại ngày 31/12/2021 là 13,19%. Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Rcrv Inc Dba Rock Revival	90.123.235.783	-	58.155.456.863	-
- Pacific Sunwear of California, Inc	37.737.570.560	-	14.723.805.925	-
- Eunina Inc	11.327.853.249	-	15.463.766.462	-
- Victory 2020, LLC (DBA Miss Me) (trước đây là: Sweet People Apparel, Inc (DBA Miss Me))	52.128.402.058	-	20.093.955.367	-
- MGF Sourcing Far East, Limited	8.348.422.006	-	-	-
- Phải thu các khách hàng khác	3.782.821.681	-	17.068.831.004	-
	203.448.305.337	-	125.505.815.621	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Gerber Scientific International Co., Ltd	1.461.008.000	-	-	-
- Able Leader Co., Ltd	546.504.192	-	-	-
- Chee Siang Industrial Co., Ltd	395.997.875	-	654.508.800	-
- Công ty TNHH Minh Long 1	-	-	203.693.952	-
- Trả trước cho người bán khác	674.851.811	-	540.245.543	-
	3.078.361.878	-	1.398.448.295	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về tạm ứng	579.565.748	-	477.401.503	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	810.820.050	-	1.346.549.663	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.499.266.507	-	3.225.290.589	-
- Phải thu khác	8.196.000	-	12.345.816	-
	4.897.848.305	-	5.061.587.571	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	1.332.942.828	-	14.741.198.199	-
Nguyên liệu, vật liệu	116.481.129.477	-	104.235.121.105	-
Công cụ, dụng cụ	537.539.199	-	346.576.133	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	138.981.358.364	-	93.293.123.890	-
Thành phẩm	52.836.480.259	-	11.119.531.624	-
	310.169.450.127	-	223.735.550.951	-

Trong đó:

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối năm là 310.169.450.127 đồng.

(Xem chi tiết tại Thuyết minh 12).

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	60.827.164.395	167.389.186.872	16.409.632.733	11.856.399.634	256.482.383.634
- Mua trong năm	-	9.966.445.719	375.180.000	171.093.458	10.512.719.177
- Thanh lý, nhượng bán	-	(161.180.000)	-	(171.093.458)	(332.273.458)
Số dư cuối năm	60.827.164.395	177.194.452.591	16.784.812.733	11.856.399.634	266.662.829.353
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.046.261.926	127.607.792.176	11.614.316.041	9.820.166.832	201.088.536.975
- Khấu hao trong năm	2.470.998.064	15.184.908.176	1.107.859.149	742.147.742	19.505.913.131
- Thanh lý, nhượng bán	-	(161.180.000)	-	(5.703.114)	(166.883.114)
Số dư cuối năm	54.517.259.990	142.631.520.352	12.722.175.190	10.556.611.460	220.427.566.992
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.780.902.469	39.781.394.696	4.795.316.692	2.036.232.802	55.393.846.659
Tại ngày cuối năm	6.309.904.405	34.562.932.239	4.062.637.543	1.299.788.174	46.235.262.361

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.830.746.654 đồng.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	7.475.561.711	8.005.561.711
- Mua trong năm	-	660.900.000	660.900.000
Số dư cuối năm	530.000.000	8.136.461.711	8.666.461.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	530.000.000	6.300.755.770	6.830.755.770
- Khấu hao trong năm	-	283.685.192	283.685.192
Số dư cuối năm	530.000.000	6.584.440.962	7.114.440.962
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	1.174.805.941	1.174.805.941
Tại ngày cuối năm	-	1.552.020.749	1.552.020.749

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 530.000.000 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	636.631.689	1.296.302.378
- Phí bảo hiểm hàng nhập khẩu	6.551.672	4.466.296
- Phí bảo hiểm cháy nổ	50.210.509	50.234.436
	693.393.870	1.351.003.110
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	602.245.757	1.487.436.681
	602.245.757	1.487.436.681

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	-	-	490.272.366.256	362.241.484.752	128.030.881.504	128.030.881.504
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	94.334.289.934	94.334.289.934	422.388.938.248	456.626.521.990	60.096.706.192	60.096.706.192
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	6.573.847.631	6.573.847.631	125.206.298.502	131.780.146.133	-	-
- Ngân hàng Chính sách Xã hội - Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương	-	-	14.060.020.000	-	14.060.020.000	14.060.020.000
	100.908.137.565	100.908.137.565	1.051.927.623.006	950.648.152.875	202.187.607.696	202.187.607.696

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	Mục đích vay	31/12/2021		01/01/2021	
				USD	VND	USD	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					128.030.881.504		-
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 214882177/2021- HĐCVHM/NHCT900-MMBD ngày 24/12/2021	Theo từng giấy nhận nợ	Máy móc thiết bị hàng hóa tồn kho luân chuyển, nguồn thu luân chuyển	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng dệt may	5.560.418,85	128.030.881.504	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					60.096.706.192		94.334.289.934
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 048B21 ngày 19/05/2021	Theo từng giấy nhận nợ	Tiền gửi có kỳ hạn hàng hóa tồn kho luân chuyển	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.622.020,34	60.096.706.192	-	-
- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 085B20 ngày 26/10/2020	Theo từng giấy nhận nợ	Cầm cố tài sản là tiền gửi của Công ty do Ngân hàng phát hành; thế chấp tài sản là hàng hóa tồn kho luân chuyển	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	4.063.506	94.334.289.934
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương					-		6.573.847.631
- Hợp đồng tín dụng số 01/2020/4675359/HĐTD ngày 14/07/2020	Theo từng giấy nhận nợ	Tiền gửi có kỳ hạn	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng dệt may	-	-	283.477,69	6.573.847.631
Ngân hàng Chính sách Xã hội - Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương					14.060.020.000		-
- Hợp đồng tín dụng số 14.464/2021/HĐTD ngày 03/12/2021	0%/năm	Tín chấp	Vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo Nghị quyết số 126/NQ-CP và Quyết định số 33/2021/QĐ-TTG		14.060.020.000	-	-

202.187.607.696**100.908.137.565**

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	20.171.814.500	20.171.814.500	12.008.925.174	12.008.925.174
- Công ty Cổ phần May thuê Phát Đạt	20.593.587.001	20.593.587.001	14.324.712.218	14.324.712.218
- Olymp Bezner KG Hopfighemer	6.010.521.326	6.010.521.326	16.816.599.946	16.816.599.946
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời Trang	12.579.284.863	12.579.284.863	8.766.987.133	8.766.987.133
- Grandian Hong Kong Co., Ltd	7.802.786.454	7.802.786.454	9.467.876.601	9.467.876.601
- Công ty TNHH Dệt Tường Long	20.001.027.015	20.001.027.015	8.032.851.140	8.032.851.140
- Tce Corporation	16.066.302.270	16.066.302.270	2.919.838.798	2.919.838.798
- Copen United Limited	6.643.547.745	6.643.547.745	302.794.336	302.794.336
- Công ty TNHH Sơn Tùng	2.763.514.006	2.763.514.006	3.146.834.145	3.146.834.145
- Sky Ahead Ltd	2.992.486.481	2.992.486.481	3.112.974.283	3.112.974.283
- Lu Thai Textile Co., Ltd	387.079.475	387.079.475	6.198.682.399	6.198.682.399
- Phải trả các đối tượng khác	44.110.409.813	44.110.409.813	30.115.674.842	30.115.674.842
	160.122.360.949	160.122.360.949	115.214.751.015	115.214.751.015
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	32.751.099.363	32.751.099.363	21.213.259.333	21.213.259.333
<i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33.</i>				

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	41.583.437	24.521.670
	41.583.437	24.521.670

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.256.603.668	2.256.603.668	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	2.358.239.835	7.065.870.522	4.707.630.687	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.014.410.051	17.243.770.591	17.786.218.740	-	1.471.961.902
- Thuế thu nhập cá nhân	119.386	-	8.103.641.773	8.103.522.387	-	-
- Các loại thuế khác	-	49.252.913	940.207.064	866.568.651	-	122.891.326
	119.386	2.063.662.964	30.902.462.931	36.078.783.968	4.707.630.687	1.594.853.228

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	423.336.021	-
- Bảo hiểm xã hội	383.920.220	147.787.268
- Bảo hiểm y tế	270.316.016	255.236.646
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	481.121.146
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	38.391.676.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	42.968.979	511.680.364
	1.120.541.236	39.787.501.424
	-	37.867.276.000

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33.



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	120.000.000.000	130.334.259	70.123.590.294	89.108.754.904	279.362.679.457
Lãi trong năm trước	-	-	-	96.745.337.061	96.745.337.061
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.105.500.760	(10.105.500.760)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.262.217.513)	(6.262.217.513)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(2.021.100.152)	(2.021.100.152)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	(48.000.000.000)	(48.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	120.000.000.000	130.334.259	80.229.091.054	89.465.273.540	289.824.698.853
Số dư tại ngày 01/01/2021	120.000.000.000	130.334.259	80.229.091.054	89.465.273.540	289.824.698.853
Lãi trong năm nay	-	-	-	62.879.780.956	62.879.780.956
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	8.931.447.448	(8.931.447.448)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(5.358.868.469)	(5.358.868.469)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(1.786.289.490)	(1.786.289.490)
Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	120.000.000.000	130.334.259	89.160.538.502	124.268.449.089	333.559.321.850

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2021 ngày 24 tháng 06 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Phân phối LNST năm 2020	Trong đó: đã tạm trích trong năm 2020
		VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100%	89.314.474.484	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	8.931.447.448	-
Trích Quỹ thường Ban điều hành	2%	1.786.289.490	-
Trích Quỹ thưởng Khen thưởng, phúc lợi	6%	5.358.868.469	-
Chi trả cổ tức bằng tiền (50% Vốn điều lệ)	67%	60.000.000.000	48.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	15%	13.237.869.077	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	48,89	58.668.190.000	48,89	58.668.190.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	39,99	47.988.000.000	39,99	47.988.000.000
- Cổ đông khác	11,12	13.343.810.000	11,12	13.343.810.000
	100	120.000.000.000	100	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	120.000.000.000	120.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	120.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	38.391.676.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	12.000.000.000	78.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	12.000.000.000	30.000.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	48.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(50.391.676.000)	(39.608.324.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(50.391.676.000)	(30.000.000.000)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	(9.608.324.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	38.391.676.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	89.160.538.502	80.229.091.054
	89.160.538.502	80.229.091.054

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng và nhà ăn tập thể tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	1.423.285.573	1.423.285.573
- Trên 1 năm đến 5 năm	4.574.028.616	5.021.674.086
- Trên 5 năm	3.056.000.738	4.031.640.841
	9.053.314.927	10.476.600.500

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 02-9/12 ngày 19/12/2018 để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất vào tháng 01 hằng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận. Vào ngày 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	2.335.000.000	2.135.000.000
- Trên 1 năm đến 5 năm	9.540.000.000	9.440.000.000
- Trên 5 năm	21.815.300.000	24.250.300.000
	33.690.300.000	35.825.300.000

Công ty ký hợp đồng thuê chung cư tại Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng số 36/2019/HĐ-IMPCO ngày 31/12/2019 để sử dụng với mục đích cho cán bộ nhân viên của công ty ở và sinh hoạt từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021. Diện tích sử dụng là 7.510,68 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo thỏa thuận.

b) Tài sản nhận giữ hộ

Chung loại, quy cách	Đvt	31/12/2021		01/01/2021	
		Số lượng	Phẩm chất	Số lượng	Phẩm chất
- Vải các loại	Yard	173.596,21	Bình thường	194.727,000	Bình thường

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
- Đô la Mỹ (USD)	1.035.562,84	1.007.331,00

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.004.081.873.959	972.015.681.407
Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công	142.570.170.108	223.279.680.576
Doanh thu bán nguyên liệu, phế liệu	2.801.366.408	3.451.853.822
	1.149.453.410.475	1.198.747.215.805

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	2.203.681.334	2.491.329.817
	2.203.681.334	2.491.329.817

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	855.465.983.803	799.163.362.100
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	125.945.085.054	195.766.251.457
Giá vốn nguyên liệu, vật liệu đã bán	2.981.361.450	1.698.486.793
	984.392.430.307	996.628.100.350

Trong đó: Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan
Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 33.

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.961.089.521	6.541.410.967
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	6.838.985.979	9.158.471.760
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.468.306.665
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	147.240.949	133.541.285
	12.947.316.449	17.301.730.677

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.617.210.077	1.093.088.377
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.259.926.569	6.798.419.937
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	81.807.936	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	13.043.499.721	25.222.866.111
	19.002.444.303	33.114.374.425

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.157.206.209	5.327.910.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.841.954.625	15.868.728.909
	24.999.160.834	21.196.639.296

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	691.526.961	567.058.222
Chi phí nhân công	41.257.865.511	49.978.811.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.052.037.392	1.664.006.860
Hoàn nhập các khoản dự phòng	-	(5.476.717.825)
Thuế, phí, lệ phí	6.384.591.406	3.861.468.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.490.604.908	3.556.580.755
Chi phí khác bằng tiền	1.752.279.437	1.928.666.237
	56.628.905.615	56.079.874.517

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	509.947.127
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	68.065.454	5.333.182
Tiền bồi thường nhận được	3.667.099.824	11.106.925.184
Tiền khách hàng hỗ trợ	-	1.868.956.500
Thu nhập từ công nợ không phải trả	775.986.756	409.108.190
Thu nhập khác	572.005.370	88.843.790
	5.083.157.404	13.989.113.973

27 . CHI PHÍ KHÁC

Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định
Các khoản bị phạt, truy thu
Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
	30.319.819	-
	101.969.288	471.253.028
	1.421.281	1.090.909
	133.710.388	472.343.937

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN
Các khoản điều chỉnh tăng
- Chi phí không hợp lý hợp lệ
- Các khoản phạt
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành
- Hoàn nhập Lãi CLTG năm trước chưa thực hiện năm trước

Các khoản điều chỉnh giảm
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm
- Hoàn nhập Dự phòng Nợ phải thu khó đòi
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)

Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước
vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay

- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN do ghi nhận bổ sung thù
lao HĐQT không trực tiếp điều hành năm 2020 với số
tiền 590.000.000 đồng

Thuế TNDN phải nộp đầu năm
Thuế TNDN đã nộp trong năm

Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
	80.123.551.547	120.055.398.113
	6.975.264.795	3.565.878.891
	3.081.223.589	1.318.017.319
	101.969.288	434.021.317
	2.197.818.000	1.755.000.000
	1.594.253.918	58.840.255
	(1.469.963.389)	(7.070.971.743)
	(1.469.963.389)	(1.594.253.918)
	-	(5.476.717.825)
	85.628.852.953	116.550.305.261
	17.125.770.591	23.310.061.052
	118.000.000	-
	118.000.000	
	2.014.410.051	6.677.795.882
	(17.786.218.740)	(27.973.446.883)
	1.471.961.902	2.014.410.051

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng
Chi phí nhân công
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
	574.632.350.838	542.983.899.351
	238.121.379.973	275.773.046.332
	19.789.598.323	23.899.844.168
	310.762.504.628	253.637.796.409
	7.138.484.653	5.986.982.569
	1.150.444.318.415	1.102.281.568.829

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
VND	VND	VND	VND	
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.490.148.769	-	71.432.988.445	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	208.346.153.642	-	130.567.403.192	-
Các khoản cho vay	117.382.500.000	-	117.382.500.000	-
	359.218.802.411	-	319.382.891.637	-

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	202.187.607.696	100.908.137.565
Phải trả người bán, phải trả khác	161.242.902.185	155.002.252.439
Chi phí phải trả	41.583.437	24.521.670
	363.472.093.318	255.934.911.674

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.490.148.769	-	-	33.490.148.769
Phải thu khách hàng, phải thu khác	208.346.153.642	-	-	208.346.153.642
Các khoản cho vay	114.382.500.000	3.000.000.000	-	117.382.500.000
	356.218.802.411	3.000.000.000	-	359.218.802.411
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.432.988.445	-	-	71.432.988.445
Phải thu khách hàng, phải thu khác	130.567.403.192	-	-	130.567.403.192
Các khoản cho vay	106.382.500.000	11.000.000.000	-	117.382.500.000
	308.382.891.637	11.000.000.000	-	319.382.891.637

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	202.187.607.696	-	-	202.187.607.696
Phải trả người bán, phải trả khác	161.242.902.185	-	-	161.242.902.185
Chi phí phải trả	41.583.437	-	-	41.583.437
	363.472.093.318	-	-	363.472.093.318
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	100.908.137.565	-	-	100.908.137.565
Phải trả người bán, phải trả khác	155.002.252.439	-	-	155.002.252.439
Chi phí phải trả	24.521.670	-	-	24.521.670
	255.934.911.674	-	-	255.934.911.674

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.050.578.297.921	910.463.863.557
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	950.648.152.875	877.380.822.683

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Protrade Laundry	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng	Doanh nghiệp do Chồng của thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	150.895.347.611	118.276.161.742
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	57.896.191.325	60.263.901.953
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	90.262.852.035	54.792.125.709
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng	2.736.304.251	3.220.134.080
Thu tiền cho vay	-	5.476.717.825
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	-	5.476.717.825
Lãi tiền cho vay	-	148.625.626
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	-	148.625.626
Kinh phí công đoàn phải nộp	1.166.345.480	1.304.950.000
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	1.166.345.480	1.304.950.000
Tiền bồi thường	1.847.443.303	3.540.847.814
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	397.922.978	894.687.053
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	1.449.520.325	2.646.160.761
Góp vốn	-	38.000.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	-	38.000.000.000
Chi trả cổ tức	10.665.619.000	69.326.575.500
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	5.866.819.000	38.134.375.500
- Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	4.798.800.000	31.192.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG

Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn	32.751.099.363	21.213.259.333
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	20.171.814.500	12.008.925.174
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	12.579.284.863	8.766.987.133
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng	-	437.347.026
Phải trả khác ngắn hạn	-	37.867.276.000
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - Công ty Cổ phần	-	23.467.276.000
- Công ty TNHH Thương Mại Việt Vương	-	14.400.000.000

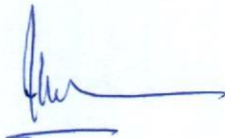
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập trong năm	
		Năm 2021	Năm 2020
- Ông Nguyễn An Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	316.558.000	-
- Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	474.837.000	590.000.000
- Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	158.279.000	-
- Ông Nguyễn Vĩnh Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị	158.279.000	-
- Ông Nguyễn Xuân Quân	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 24/06/2021)	491.215.422	-
- Ông Lý Thanh Châu	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 24/06/2021)	158.279.000	-
- Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	316.558.000	680.000.000
- Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	79.140.000	520.000.000
- Ông Phan Thành Đức	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc	2.038.296.508	2.555.227.535
- Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Tổng Giám đốc	1.634.649.711	2.369.058.151
- Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng Ban kiểm soát	267.944.000	300.000.000
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	178.629.000	255.000.000
- Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Thành viên Ban kiểm soát	89.315.000	-
- Bà Nguyễn Minh Thùy	Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 20/06/2020)	89.315.000	50.000.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập



Đoàn Thị Kim Ngân

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Kim Ngân

Bình Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

